Số: 4227798

	TOWNER V2.6-5S AT	FUSO CANTER TF4.9 - Thùng kín - Tôn kẽm
Giá niêm yết:	**394.000.000đ**	**613.800.000đ**
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	4.500 x 1.690 x 2.000 mm	6.140 x 1.890 x 2.890 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	1.600 x 1.505 x 1.340 mm (3.22 m^3)	4.450 x 1.760 x 1.830 mm (14,33 m^3)
Chiều dài cơ sở	2.930 mm	3.400 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.442/1.455 mm	1.390/1.435 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1360 kg	2.800 kg
Khối lượng chở cho phép	945 kg	1.995 kg
Khối lượng toàn bộ	2630 kg	4.990 kg
Số chỗ ngồi	5 chỗ	3 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	DAM16KAR (Công nghệ Nhật Bản)	Mitsubishi 4P10 - KAT2
Loại động cơ	Hệ thống phun xăng điện tử EFI (Electronic Fuel Injection) giúp động cơ vân hành êm dịu, tiết kiệm nhiên liệu	Diesel, 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước, làm mát khí nạp, phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	1.597 cc	2.998 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	122/6.000 Ps/(vòng/phút)	130/3.500 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	158/4.400 - 5.200 N.m/(vòng/phút)	300/1.300 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Biến mô thủy lực, dẫn động tự động	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực
Hộp số	DONGAN A8R30 Số tự động , 8 số tiến, 1 số lùi	Mitsubishi M038S5, cơ khí, 5 số tiến, 1 số lùi
Tỷ số truyền	5,00 – 3,200 – 2,143 – 1,72 – 1,314 – 1,00 – 0,822 – 0,64 R: 3,456	ih1= 5,494; ih2=3,193; ih3=1,689; ih4=1,000; ih5=0,723; iR=5,494
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Đĩa/tang trống, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không, có ABS, EBD	Phanh đĩa, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không. Trang bị hệ thống chống bó cứng phanh ABS và hệ thống phân bổ lực phanh điện tử EBD
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	185R14	7.00R16 / Dual 7.00R16
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	48%	44,4 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	6.2 m	6,76 m
Tốc độ tối đa	118 km/h	116 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	43 lít	100 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Thanh răng - bánh răng , trợ lực điện	Trục vít - ê cu bi; Dẫn động cơ khí, trợ lực thủy lực